

Số: 2390 /QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường dự án Xây dựng tuyến đường nối từ ĐH.42
qua cụm công nghiệp Ngọc Long sang ĐT.382**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác
động môi trường của UBND huyện Yên Mỹ số 1732/UBND-BQLDA ngày
18/10/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số
583/BC-STNMT ngày 25 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Xây dựng tuyến đường nối từ ĐH.42 qua cụm công nghiệp Ngọc Long
sang ĐT.382” (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ (sau
đây gọi là Chủ dự án) thực hiện trên địa bàn các xã: Đồng Than, Ngọc Long,
Thanh Long, Yên Phú, Việt Cường, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên với các nội
dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật
Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận: 

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Môi trường thuộc Bộ TNMT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Yên Mỹ;
- UBND các xã: Đồng Than, Ngọc Long,
Thanh Long, Yên Phú, Việt Cường;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Công TTĐT tỉnh (đăng tải công khai);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^L.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Xây dựng tuyến đường nối từ ĐH.42 qua cụm công nghiệp Ngọc
Long sang ĐT.382

(Kèm theo Quyết định số 2390 /QĐ-UBND ngày 01 /10/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng tuyến đường nối từ ĐH.42 qua cụm công nghiệp Ngọc Long sang ĐT.382.

- Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn các xã: xã: Đồng Than, Ngọc Long, Thanh Long, Yên Phú, Việt Cường, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ.

1.2. Phạm vi, quy mô đầu tư và các giải pháp thiết kế chủ yếu

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Mục tiêu đầu tư: Nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa của nhân dân trên địa bàn huyện Yên Mỹ và các vùng lân cận; khắc phục tình trạng quá tải giao thông, tăng cường tính kết nối và năng lực thông hành giữa đường QL5A và QL5B (cao tốc Hà Nội – Hải Phòng) với các đường Quốc lộ, Tỉnh lộ và huyện lộ đi qua địa bàn; đồng thời góp phần thực hiện hóa quy hoạch xây dựng huyện Yên Mỹ, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Quy mô đầu tư:

+ Bình đồ tuyến: Tổng chiều dài tuyến khoảng 4,583 km. Gồm 03 tuyến, cụ thể:

Tuyến số 1: Điểm đầu Km0+000 giao với ĐH.42 kéo dài; điểm cuối tuyến Km1+021,07 giao ĐT.376. Tuyến nằm trên địa phận xã Ngọc Long, chiều dài tuyến khoảng 1,021 km.

Tuyến số 2: Điểm đầu Km0+000 giao với ĐH.45 – ĐT.376 kéo dài; điểm cuối tuyến Km1+025,37 giao ĐH.42. Tuyến nằm trên địa phận xã Đồng Than và xã Ngọc Long, chiều dài tuyến khoảng 1,025 km.

Tuyến số 3:

Đoạn tuyến số 3.1: Điểm đầu Km0+000 giao với ĐH.45; điểm cuối tuyến Km0+751,71 giao ĐT.382. Tuyến đi qua các khu dân cư thôn Đặng Xá và thôn Thụy Lâm, xã Thanh Long với chiều dài đoạn tuyến khoảng 0,751km;

Đoạn tuyến số 3.2: Điểm đầu Km0+000 – cuối đoạn tuyến số 3.1; điểm cuối tuyến Km1+786,20 giao với đường gom Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng thuộc địa phận xã Việt Cường và xã Yên Phú. Chiều dài đoạn tuyến khoảng 1,786 km.

+ Trắc dọc tuyến: Kết nối hài hòa với cao độ đầu tuyến, cuối tuyến và địa hình xung quanh. Thiết kế cao độ đường đảm bảo chiều dày kết cấu áo đường và êm thuận toàn tuyến.

+ Trắc ngang tuyến:

Tuyến số 1: Bề rộng mặt cắt ngang $B = 15,50$ m, trong đó:

Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 12,0$ m;

Bề rộng lề đất hai bên $B_{\text{ld1}} = 1,0$ m và $B_{\text{ld2}} = 2,5$ m;

Độ dốc ngang mặt $i = 2\%$;

Giải phóng mặt bằng đủ bề rộng $B = 24,0$ m theo quy hoạch để thuận lợi cho công tác xây dựng hoàn thiện sau này.

Tuyến số 2: Bề rộng mặt cắt ngang $B = 15,50$ m, trong đó:

Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 12,0$ m;

Bề rộng lề đất hai bên $B_{\text{ld1}} = 1,0$ m và $B_{\text{ld2}} = 2,5$ m;

Độ dốc ngang mặt $i = 2\%$;

Giải phóng mặt bằng đủ bề rộng $B = 24,0$ m theo quy hoạch để thuận lợi cho công tác xây dựng hoàn thiện sau này;

Tuyến số 3:

Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 12,0$ m;

Bề rộng lề đất $B_{\text{ld}} = 1,0$ m; đoạn khu dân cư thiết kế vỉa hè, bề rộng vỉa hè căn cứ điều kiện thực tế;

Độ dốc ngang mặt $i = 2\%$.

- Phân cầu Đứng: giữ nguyên cầu hiện trạng chỉ tiến hành thăm lại BTN mặt cầu và vuốt nối hai đường đầu cầu.

+ Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa chặt trên móng cấp phối đá dăm.

+ Hệ thống thoát nước: Đầu tư hệ thống thoát nước đáp ứng yêu cầu thoát nước của tuyến, khớp nối với công trình thủy lợi dọc tuyến (nếu có).

+ Vỉa hè, chiếu sáng: Vỉa hè lát gạch block và bố trí hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải và hào kỹ thuật; thiết kế hệ thống chiếu sáng theo các quy trình, quy phạm pháp luật hiện hành đối với tuyến số 3.1 và 3.2.

+ An toàn giao thông: Thiết kế hệ thống vạch sơn kẻ đường, cọc tiêu, biển báo theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư đồng bộ một số hạ tầng kỹ thuật tăng khả năng khai thác dự án; thiết kế khớp nối hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị và các công trình liên quan dọc tuyến.

- Tổng diện tích chiếm dụng đất của dự án 64.433 m^2 , trong đó diện tích đất lúa phải chuyển đổi là $6.806,89 \text{ m}^2$.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của dự án không bao gồm hoạt động khai thác và vận chuyển vật liệu san nền phục vụ san nền, thi công hạ tầng.

1.3. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai; lấy đất ở với tổng diện tích $1.071,96 \text{ m}^2$.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động vận hành đường giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 3,5 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ.
 - + Nước thải xây dựng từ quá trình rửa máy móc, thiết bị phát sinh khoảng 6,2 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.
- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

3.1.2. Bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động, giải phóng mặt bằng, thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
 - + Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.
- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường. Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 0,025 tấn/ngày, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm...
 - + Chất thải rắn thông thường: Phát sinh khoảng 18.980 kg, gồm: đất đá, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép. Ngoài ra còn, khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa khoảng 1.361,38 m³; bùn đất nạo vét kênh mương phát sinh khoảng 7.121,52 m³; đất đào nền đường cũ 1.652,99 m³.
 - + Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 500 kg trong quá trình thi công xây dựng, gồm: Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, sơn; dầu mỡ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thải bỏ; bao bì đựng dầu mỡ; ắc quy thải; thùng chứa sơn thải.
- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh chất thải rắn thông thường trong quá trình vận hành.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.
- Giai đoạn hoạt động: Từ các hoạt động của các phương tiện giao thông, vận tải.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động dung tích 2.000 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả ra môi trường.
 - + Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom lắng cặn qua hố lắng có vật liệu thấm dầu đảm bảo vệ sinh môi trường, tái sử dụng cho làm ẩm vật liệu thi công, phun dập bụi trên công trường thi công.

- Giai đoạn vận hành: Tu sửa, vệ sinh đường xá đảm bảo nước mưa tiêu thoát nhanh vào hệ thống kênh mương thoát nước khu vực.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

+ Thi công theo phương pháp cuốn chiếu, đào đắp đến đâu, san gạt và đầm chặt đến đó.

+ Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

+ Phun nước giảm bụi, thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận.

+ Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.

+ Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bố trí biển báo tốc độ tối đa cho phép theo đúng QCVN 41:2019/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

+ Bố trí hợp lý hệ thống cây xanh dọc theo tuyến giao thông để giảm thiểu khả năng phát tán của bụi và tiếng ồn.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải sinh hoạt: Bố trí 04 thùng chứa loại 120 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải xây dựng: Được thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa được bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước theo quy định tại Luật Trồng trọt và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; bùn đất nạo vét kênh mương được vận chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định.

+ Chất thải nguy hại: Bố trí 05 thùng chứa có nắp đậy dung tích 240 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Định kỳ vệ sinh đường, nạo vét hệ thống cống rãnh,...

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu theo giờ, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm.

- Các máy móc tham gia thi công sẽ được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt, tiếng ồn tạo ra không vượt quá giới hạn cho phép.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công.

- Thực hiện các biện pháp thi công, hoàn trả các công trình thủy lợi đảm bảo ít gây ảnh hưởng đến dòng chảy và tiêu thoát nước khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công, bảo đảm không để nước đọng, gây ngập úng cục bộ.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án

** Giám sát không khí xung quanh:*

- Số vị trí: 01 điểm.

- Vị trí giám sát: Tại đoạn tuyến đang thi công.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện các thủ tục về xây dựng công trình giao thông theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất trồng lúa trình cấp có thẩm quyền chấp thuận và bảo vệ, sử dụng lượng đất hữu cơ này theo quy định tại Luật Trồng trọt, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Đảm bảo tiêu thoát nước mưa, nước thải các khu vực xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành dự án.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án vào đúng các vị trí được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp đảm bảo hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước mặt, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án.

- Thực hiện nghiêm các giải pháp giảm thiểu bụi trên các tuyến đường thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố ngập úng, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt./.
